TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN SƠN TRÀ -TP ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 197/2024/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 29 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212,213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55,81,82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 177/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 về việc: *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Ông **Phan Quang V**, sinh năm: 1982. Nơi cư trú: Tổ 42, phường MT, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Lê Thị T**, sinh năm: 1986. Nơi cư trú: Tổ 42, phường AHB, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ông Phan Quang V và bà Lê Thị T kết hôn với nhau năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường MT, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 114 ngày 16 tháng 9 năm 2004. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Tại phiên hòa giải, ông Phan Quang V và bà Lê Thị T xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng ông chung sống với nhau tại tổ 42, phường MT, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là: bất đồng quan điểm, không hòa hợp nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung, lục đục cãi vã về kinh tế cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Cả hai đã sống ly thân từ năm 2014 đến

nay không ai quan tâm đến ai. Nay ông bà xác định không còn yêu thương nhau nên đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Phan Quang V và bà Lê Thị T thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, chung thủy quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng ông V, bà T lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông bà đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông V, bà T là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: ông Phan Quang V và bà Lê Thị T xác định có 01 con chung là: Phan Thị Thanh X, sinh ngày: 06/02/2005. Con chung Phan Thị Thanh X đã đủ 18 tuổi, phát triển bình thường nên không đề cập đến.

[5] Về tài sản chung: ông Phan Quang V và bà Lê Thị T xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Các vấn đề khác: ông Phan Quang V và bà Lê Thị T xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Lệ phí phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng y*) ông Phan Quang V và bà Lê Thị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0002805 ngày 31/7/2024.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**** Về quan hệ hôn nhân***: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phan Quang V và bà Lê Thị T. Giấy chứng nhận kết hôn số 114 ngày 16 tháng 9 năm 2004 của Uỷ ban nhân dân phường MT, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

****Về con chung***: ông Phan Quang V và bà Lê Thị T xác định có 01 con chung là: Phan Thị Thanh X, sinh ngày: 06/02/2005. Con chung Phan Thị Thanh X đã đủ 18 tuổi, phát triển bình thường nên không xem xét giải quyết.

**** Về tài sản chung:*** ông Phan Quang V và bà Lê Thị T xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Về nợ chung:*** ông Phan Quang V và bà Lê Thị T xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Lệ phí phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng y*) ông Phan Quang V và bà Lê Thị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0002805 ngày 31/7/2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND P. MT, Q. Sơn Trà, TP Đà Nẵng.
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Văn Mạnh